**VỤ TÍN DỤNG CÁC NGÀNH KINH TẾ**

**BẢN SO SÁNH SỰ THAY ĐỔI TRONG DỰ THẢO THÔNG TƯ BAO THANH TOÁN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Thông tư 02** | **Dự thảo Thông tư lần 1** | **Lý do sửa đổi** |
| **1** | **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh** | **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh** |  |
|  | Thông tư này quy định về hoạt động bao thanh toán của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng. | Thông tư này quy định về bao thanh toán và dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng. | Bổ sung nội dung “*dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán*” theo quy định tại điểm e Khoản 1 Điều 114, điểm đ Khoản 1 Điều 119, điểm g Khoản 1 Điều 124 Luật các tổ chức tín dụng 2024 |
| **2** | **Điều 2. Đối tượng áp dụng** | **Điều 2. Đối tượng áp dụng** |  |
|  | 1. Đơn vị bao thanh toán là ngân hàng thương mại, công ty tài chính tổng hợp, công ty tài chính bao thanh toán và chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép thực hiện hoạt động bao thanh toán.2. Khách hàng bao thanh toán (sau đây gọi tắt là khách hàng) là người cư trú, người không cư trú theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối, bao gồm:a) Bên bán hàng trong bao thanh toán bên bán hàng;b) Bên mua hàng trong bao thanh toán bên mua hàng.3. Tổ chức, cá nhân khác liên quan đến hoạt động bao thanh toán của đơn vị bao thanh toán. | 1. Ngân hàng thương mại, công ty tài chính tổng hợp, công ty tài chính bao thanh toán và chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép thực hiện hoạt động bao thanh toán và dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán (sau đây gọi tắt là đơn vị bao thanh toán).2. Ngân hàng thương mại, công ty tài chính tổng hợp, công ty tài chính bao thanh toán, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép thực hiện các dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán và tổ chức tín dụng nước ngoài (sau đây gọi tắt là đơn vị cung cấp dịch vụ bao thanh toán).3. Tổ chức, cá nhân là người cư trú, người không cư trú theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối có liên quan đến bao thanh toán và thực hiện dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán (sau đây gọi tắt là khách hàng), bao gồm:a) Bên bán hàng trong bao thanh toán bên bán hàng;b) Bên mua hàng trong bao thanh toán bên mua hàng;c) Đơn vị cung cấp dịch vụ bao thanh toán. | Bổ sung đối tượng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được làm dịch vụ liên quan đến bao thanh toán theo quy định tại điểm e Khoản 1 Điều 114, điểm đ Khoản 1 Điều 119, điểm g Khoản 1 Điều 124 Luật các TCTD 2024. |
| **3** | **Điều 3. Giải thích từ ngữ** | **Điều 3. Giải thích từ ngữ** |  |
|  |  | *1. Dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán* là các dịch vụ mà đơn vị cung cấp dịch vụ bao thanh toán thực hiện thay cho đơn vị bao thanh toán bên bán hàng bao gồm quản lý, theo dõi sổ sách, hóa đơn, chứng từ liên quan tới khoản phải thu của bên bán hàng, thu nợ đối với các khoản phải thu ngoài hoạt động bao thanh toán và các dịch vụ khác phù hợp với tập quán quốc tế về bao thanh toán | Bổ sung khái niệm “*dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán*” theo quy định tại điểm e Khoản 1 Điều 114, điểm đ Khoản 1 Điều 119, điểm g Khoản 1 Điều 124 Luật các tổ chức tín dụng 2024. |
|  | 5. *Bảo lưu quyền truy đòi* là việc đơn vị bao thanh toán có quyền đòi lại số tiền đã ứng trước và lãi, phí bao thanh toán từ khách hàng trong trường hợp bên mua hàng không hoàn thành nghĩa vụ thanh toán khoản phải trả. Trường hợp bao thanh toán bên bán hàng, đơn vị bao thanh toán thực hiện truy đòi bên bán hàng. Trường hợp bao thanh toán bên mua hàng, đơn vị bao thanh toán thực hiện truy đòi bên mua hàng. | Bỏ khoản 5 | Bỏ nội dung “có bảo lưu quyền truy đòi” do khái niệm về bao thanh toán tại Khoản 1 Điều 4 Luật các TCTD 2024 đã bỏ nội dung “có bảo lưu quyền truy đòi”. |
|  | 9. *Bao thanh toán bên bán hàng* là việc đơn vị bao thanh toán mua lại có bảo lưu quyền truy đòi các khoản phải thu của khách hàng là bên bán hàng thông qua việc ứng trước tiền để được nhận quyền và lợi ích hợp pháp liên quan đến khoản phải thu theo thỏa thuận. | 6. Bao thanh toán bên bán hàng là việc đơn vị bao thanh toán mua lại các khoản phải thu phát sinh từ hợp đồng mua, bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ của khách hàng là bên bán hàng để được nhận quyền và lợi ích hợp pháp liên quan đến khoản phải thu theo thỏa thuận. Bên mua hàng hoặc bên bán hàng có trách nhiệm thanh toán số tiền bao thanh toán và các chi phí có liên quan theo thỏa thuận. | Bỏ nội dung “có bảo lưu quyền truy đòi” do khái niệm về bao thanh toán tại Khoản 1 Điều 4 Luật các TCTD 2024 đã bỏ nội dung “có bảo lưu quyền truy đòi”. |
|  | 10. *Bao thanh toán bên mua hàng* là việc đơn vị bao thanh toán mua lại có bảo lưu quyền truy đòi các khoản phải trả của khách hàng là bên mua hàng thông qua việc ứng trước tiền thanh toán cho bên bán hàng và được khách hàng hoàn trả tiền ứng trước, lãi và phí theo thỏa thuận. | 7. Bao thanh toán bên mua hàng là việc đơn vị bao thanh toán ứng trước tiền để nhận chuyển giao nghĩa vụ thanh toán khoản phải trả phát sinh từ hợp đồng mua, bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, khách hàng có trách nhiệm thanh toán số tiền bao thanh toán và các chi phí có liên quan theo thỏa thuận. | - Sửa khái niệm để phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 4 Luật các TCTD 2024. |
|  |  | 10. *Hợp đồng cung cấp dịch vụ liên quan đến bao thanh toán*: là văn bản thỏa thuận giữa đơn vị bao thanh toán và đơn vị cung cấp dịch vụ bao thanh toán và/hoặc các bên liên quan (nếu có) nhằm xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền và nghĩa vụ của các bên. | - Bổ sung khái niệm “*Hợp đồng cung cấp dịch vụ liên quan đến bao thanh toán*” để đảm bảo đầy đủ các văn bản trong hoạt động cung cấp dịch vụ liên quan đến bao thanh toán. |
|  |  | 16. *Thời hạn hoàn trả nợ bao thanh toán* là khoảng thời gian được tính từ ngày tiếp theo của ngày kết thúc thời hạn, kỳ hạn thanh toán khoản phải thu, khoản phải trả tại hợp đồng mua, bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ đến ngày kết thúc thời hạn bao thanh toán, kỳ hạn trả nợ. | Bổ sung khái niệm *Thời hạn hoàn trả nợ bao thanh toán* để làm rõ quy định tại Khoản 1 Điều 16 dự thảo Thông tư. |
| **4** |  | **Điều 4. Nguyên tắc thực hiện bao thanh toán** |  |
|  |  | 1. Đơn vị bao thanh toán thỏa thuận với khách hàng về số tiền bao thanh toán nhưng không được vượt quá giá trị của khoản phải thu, khoản phải trả.2. Đơn vị bao thanh toán thực hiện bao thanh toán bằng ngoại tệ trong phạm vi hoạt động kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước, trên thị trường quốc tế tại Giấy phép do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp.3. Tuân thủ các quy định về những trường hợp không được cấp tín dụng, hạn chế cấp tín dụng và giới hạn cấp tín dụng tại Luật Các tổ chức tín dụng và quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.4. Việc bao thanh toán hợp vốn thực hiện theo quy định tại Thông tư này, quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về cấp tín dụng hợp vốn đối với khách hàng và quy định của pháp luật có liên quan. | Bổ sung điều khoản về nguyên tắc thực hiện bao thanh toán, trong đó:- Khoản 1, 2, 4 chuyển từ khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 10 Thông tư 02 sang.- Khoản 3 chuyển từ Khoản 1 Điều 21 Thông tư 02 sang. |
| **5** | **Điều 5. Quy định nội bộ** | **Điều 6. Quy định nội bộ** |  |
|  | 1. Căn cứ quy định tại Luật các tổ chức tín dụng, Thông tư này và các quy định của pháp luật có liên quan, đơn vị bao thanh toán ban hành quy định nội bộ về hoạt động bao thanh toán, quản lý khoản phải thu, khoản phải trả phù hợp với đặc điểm hoạt động kinh doanh của đơn vị bao thanh toán (sau đây gọi là quy định nội bộ về bao thanh toán). | 1. Căn cứ quy định tại Luật các tổ chức tín dụng, Thông tư này và các quy định của pháp luật có liên quan, đơn vị bao thanh toán ban hành quy định nội bộ về hoạt động bao thanh toán (bao gồm cả nội dung quy định về bao thanh toán điện tử nếu có), quản lý khoản phải thu, khoản phải trả phù hợp với đặc điểm hoạt động kinh doanh của đơn vị bao thanh toán (sau đây gọi là quy định nội bộ về bao thanh toán). | Bổ sung quy định nội bộ về bao thanh toán điện tử nhằm hướng dẫn TCTD áp dụng phù hợp với thực tiễn hoạt động và quy định tại Luật Giao dịch điện tử. |
|  | 2. Quy định nội bộ về bao thanh toán của đơn vị bao thanh toán được thực hiện thống nhất trong toàn hệ thống và phải có tối thiểu các nội dung cụ thể sau đây:c) Quy trình kiểm tra, giám sát quá trình bao thanh toán, việc trả nợ của khách hàng; phân cấp, ủy quyền và trách nhiệm của từng cá nhân, bộ phận trong việc kiểm tra, giám sát quá trình bao thanh toán và trả nợ của khách hàng; | 2. Quy định nội bộ về bao thanh toán của đơn vị bao thanh toán được thực hiện thống nhất trong toàn hệ thống và phải có tối thiểu các nội dung cụ thể sau đây:c) Quy trình kiểm tra, giám sát quá trình trả nợ của khách hàng; phân cấp, ủy quyền và trách nhiệm của từng cá nhân, bộ phận trong việc kiểm tra, giám sát quá trình trả nợ của khách hàng; | Nghiệp vụ bao thanh toán không thuộc trường hợp kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay theo quy định tại Khoản 5 Điều 102 Luật các TCTD 2024. |
|  | 3. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung quy định nội bộ về bao thanh toán, đơn vị bao thanh toán phải gửi quy định nội bộ cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng). | 3. Đơn vị bao thanh toán gửi 01 (một) bản quy định nội bộ về bao thanh toán cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố theo quy định của pháp luật có liên quan. | Không quy định cụ thể thời hạn mà thực hiện theo quy định pháp luật liên quan về gửi văn bản quy định nội bộ của NHNN. |
| **6** | **Điều 6. Trường hợp không được bao thanh toán** | **Điều 7. Trường hợp không được bao thanh toán** |  |
|  | 3. Phát sinh từ hợp đồng mua, bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ có thoả thuận không được chuyển giao quyền và nghĩa vụ trong hợp đồng. | 3. Phát sinh từ hợp đồng mua, bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ có thoả thuận không được chuyển giao quyền và nghĩa vụ trong hợp đồng *hoặc có điều khoản bù trừ công nợ* | TCTD kiến nghị bổ sung trường hợp không được BTT là Hợp đồng kinh tế giữa các bên có điều khoản cấn trừ công nợ (nhằm hạn chế rủi ro cho các TCTD khi thực hiện BTT). |
| **7** | **Điều 8. Đồng tiền bao thanh toán, trả nợ** | **Điều 9. Đồng tiền bao thanh toán, trả nợ** |  |
|  | 1. Đồng tiền bao thanh toán là đồng Việt Nam, trừ quy định tại khoản 2 Điều này. Đơn vị bao thanh toán chỉ được bao thanh toán bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng là người không cư trú khi khách hàng sử dụng tiền bao thanh toán trên lãnh thổ Việt Nam. 2. Đơn vị bao thanh toán được xem xét, quyết định bao thanh toán bằng ngoại tệ đối với khoản phải thu, khoản phải trả bằng ngoại tệ phù hợp với quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối và đáp ứng điều kiện sau đây:a) Khách hàng là người không cư trú; hoặcb) Khách hàng là người cư trú đáp ứng được yêu cầu sau đây: (i) Khách hàng là bên bán hàng sử dụng tiền bao thanh toán để thanh toán, chi trả cho các giao dịch thanh toán bằng ngoại tệ theo quy định của pháp luật; hoặc(ii) Khách hàng là bên mua hàng có đủ ngoại tệ từ nguồn thu sản xuất, kinh doanh để trả nợ bao thanh toán; hoặc (iii) Khách hàng là doanh nghiệp đầu mối nhập khẩu xăng dầu được Bộ Công thương giao hạn mức nhập khẩu xăng dầu hằng năm để thanh toán ra nước ngoài tiền nhập khẩu xăng dầu.3. Đồng tiền trả nợ, trả lãi bao thanh toán là đồng tiền bao thanh toán. | 1. Đối với bao thanh toán bên bán hàng: đồng tiền bao thanh toán là đồng tiền của khoản phải thu.2. Đối với bao thanh toán bên mua hàng: 1. Đồng tiền bao thanh toán là đồng Việt Nam, trừ quy định tại điểm b khoản này;

b) Đơn vị bao thanh toán được xem xét, quyết định bao thanh toán bằng ngoại tệ đối với khoản phải trả bằng ngoại tệ đáp ứng điều kiện sau đây:(i) Khách hàng là người không cư trú; hoặc(ii) Khách hàng là người cư trú thuộc đối tượng được vay ngoại tệ theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về cho vay bằng ngoại tệ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng vay là người cư trú.3. Đồng tiền trả nợ, trả lãi, phí bao thanh toán là đồng tiền bao thanh toán. | Sửa theo đề nghị của các TCTD:- Đối với BTT bên bán, về bản chất khoản tiền BTT chính là doanh thu trong hoạt động kinh doanh của khách hàng. Do đó, việc quy định KH là bên bán sử dụng khoản tiền BTT để thanh toán, chi trả cho các giao dịch thanh toán bằng ngoại tệ sẽ gây khó khăn cho khách hàng và dẫn đến hạn chế sự phát triển của nghiệp vụ BTT bên bán hàng.- Việc ứng trước BTT bằng VND đối với các khoản phải thu bằng ngoại tệ gây rủi ro tỷ giá cho KH.- Cho phép thực hiện BTT bằng ngoại tệ đối với các doanh nghiệp xuất khẩu có nguồn thu ngoại tệ.- Bên bán với tư cách là người thụ hưởng, là chủ sở hữu của khoản tiền BTT, do đó theo quy định của Bộ luật dân sự, bên bán có toàn quyền chiếm hữu, sử dụng và chịu trách nhiệm pháp lý về việc sử dụng khoản tiền BTT này. Việc yêu cầu chứng minh mục đích sử dụng cụ thể tại thời điểm BTT sẽ hạn chế bên bán có các phương án linh hoạt khác nhau để sử dụng tốt nhất khoản tiền phục vụ các nhu cầu phát sinh và thay đổi trong quá trình sản xuất kinh doanh. Hơn nữa sẽ gây lãng phí về mặt thời gian và chi phí trong việc chuẩn bị, kiểm tra, lưu trữ chứng từ ở cả phía doanh nghiệp và ngân hàng. Do đó đề nghị không yêu cầu khách hàng là bên bán hàng phải chứng minh việc sử dụng tiền BTT để thanh toán, chi trả cho các giao dịch thanh toán bằng ngoại tệ trong trường hợp BTT bằng ngoại tệ.- Nghiệp vụ bao thanh toán không thuộc trường hợp kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay theo quy định tại Khoản 5 Điều 102 Luật các TCTD 2024. |
| **8** | **Điều 9. Lãi suất và phí bao thanh toán** | **Điều 10. Lãi suất và phí bao thanh toán** |  |
|  | 1. Lãi suất và phí bao thanh toán do đơn vị bao thanh toán và khách hàng thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật. | 1. Lãi suất và phí bao thanh toán do đơn vị bao thanh toán và khách hàng thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp thực hiện bao thanh toán hợp vốn, các bên tham gia bao thanh toán hợp vốn thỏa thuận mức phí bao thanh toán cho mỗi bên hợp vốn. | Bổ sung quy định về phí đối với bao thanh toán hợp vốn. |
| **9** | **Điều 10. Yêu cầu thực hiện bao thanh toán** | **Chuyển nội dung điều này sang Điều 4, Điều 12, Điều 14 dự thảo Thông tư** |  |
|  | 1. Đơn vị bao thanh toán thỏa thuận với khách hàng về số tiền ứng trước nhưng không được vượt quá giá trị của khoản phải thu, khoản phải trả và chỉ được ứng trước tiền sau khi nhận được đầy đủ tài liệu sau đây:a) Bản gốc hợp đồng, chứng từ mua, bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ; hoặcb) Bản sao hợp đồng mua, bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ và bản sao hoặc bảng kê chứng từ mua, bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ trong trường hợp đơn vị bao thanh toán và khách hàng thỏa thuận trong hợp đồng bao thanh toán về biện pháp đảm bảo tính chính xác, trung thực, đầy đủ của bản sao hoặc bảng kê so với bản gốc. | Khoản 1 chuyển sang Điều 12 dự thảo Thông tư quy định về hồ sơ đề nghị BTT | Kết cấu lại các nội dung quy định tại Điều 10 Thông tư 02 sang các điều khoản phù hợp khác tại dự thảo Thông tư. |
|  | 2. Đơn vị bao thanh toán chỉ được bao thanh toán bằng ngoại tệ trong phạm vi hoạt động kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước, trên thị trường quốc tế tại Giấy phép do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp. | Khoản 2 chuyển sang Điều 4 dự thảo Thông tư quy định về nguyên tắc thực hiện BTT |  |
|  | 3. Đối với bao thanh toán bên bán hàng, đơn vị bao thanh toán thực hiện yêu cầu sau đây:a) Thỏa thuận với bên bán hàng về việc gửi văn bản thông báo bao thanh toán cho bên mua hàng và bên liên quan khác có nghĩa vụ (nếu có), trừ trường hợp bên bán hàng, bên mua hàng, bên liên quan khác có nghĩa vụ (nếu có) có thỏa thuận không cần thông báo. Văn bản thông báo tối thiểu bao gồm nội dung chuyển giao quyền, nghĩa vụ đối với khoản phải thu giữa bên bán hàng và đơn vị bao thanh toán và đề nghị bên mua hàng và bên liên quan khác có nghĩa vụ (nếu có) xem xét, cam kết bằng văn bản đối với việc thực hiện thanh toán cho đơn vị bao thanh toán;b) Trường hợp bên mua hàng và bên liên quan khác có nghĩa vụ (nếu có) không có văn bản cam kết thực hiện thanh toán cho đơn vị bao thanh toán theo quy định tại điểm a khoản này, đơn vị bao thanh toán chỉ được thực hiện bao thanh toán đối với khách hàng trong trường hợp đơn vị bao thanh toán và khách hàng thỏa thuận bằng văn bản về biện pháp để đơn vị bao thanh toán kiểm soát được các khoản thanh toán của bên mua hàng hoặc bên liên quan khác có nghĩa vụ (nếu có) cho bên bán hàng.4. Đối với bao thanh toán bên mua hàng, đơn vị bao thanh toán chỉ được thực hiện khi bên bán hàng đồng ý bằng văn bản về việc bên mua hàng chuyển giao nghĩa vụ thanh toán khoản phải trả cho đơn vị bao thanh toán. | Khoản 3, 4 chuyển sang Điều 14 dự thảo Thông tư quy định về thẩm định và quyết định BTT |  |
|  | 5. Việc bao thanh toán hợp vốn thực hiện theo quy định tại Thông tư này, quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về cấp tín dụng hợp vốn đối với khách hàng và quy định của pháp luật có liên quan. | Khoản 5 chuyển sang Điều 4 dự thảo Thông tư |  |
| **10** | **Điều 11. Điều kiện bao thanh toán** | **Điều 11. Điều kiện bao thanh toán** |  |
|  | 2. Đối với khách hàng là người không cư trú (ii) 100% giá trị của khoản phải trả được bảo lãnh thanh toán, bảo hiểm bởi bên thứ ba, được khách hàng ký quỹ, được bảo đảm bằng tiền gửi của khách hàng tại đơn vị bao thanh toán. | 2. Đối với khách hàng là người không cư trú(ii) 100% giá trị của khoản phải trả được bảo lãnh thanh toán, bảo hiểm bởi bên thứ ba được bảo đảm bằng tiền gửi của khách hàng tại đơn vị bao thanh toán. | Bỏ quy định khách hàng phải ký quỹ 100% giá trị khoản phải trả, thực tế nếu khách hàng đã có đủ tiền ký quỹ thì sẽ không có nhu cầu BTT và chịu các chi phí tài chính, dịch vụ…, ngoài ra có trường hợp ngân hàng chỉ BTT/ứng trước một phần giá trị khoản phải trả (vd 75-80%). Cho phép ngân hàng được linh hoạt yêu cầu hoặc không yêu cầu biện pháp bảo đảm cho các khoản phải trả… |
| **11** | **Điều 12. Hồ sơ đề nghị bao thanh toán** | **Điều 12. Hồ sơ đề nghị bao thanh toán** |  |
|  | 1. Khi có nhu cầu bao thanh toán, khách hàng phải gửi cho đơn vị bao thanh toán hồ sơ đề nghị bao thanh toán, bao gồm tài liệu chứng minh đủ điều kiện bao thanh toán theo quy định tại Điều 11 Thông tư này và các tài liệu khác do đơn vị bao thanh toán hướng dẫn.2. Khách hàng chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các tài liệu gửi cho đơn vị bao thanh toán. | 1. Khi có nhu cầu bao thanh toán, khách hàng phải gửi cho đơn vị bao thanh toán hồ sơ đề nghị bao thanh toán, bao gồm tài liệu chứng minh đủ điều kiện bao thanh toán theo quy định tại Điều 11 Thông tư này và các tài liệu khác do đơn vị bao thanh toán hướng dẫn. Hồ sơ tối thiểu gồm:a) Bản gốc hợp đồng, chứng từ mua, bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ; hoặcb) Bản sao hợp đồng mua, bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ và bản sao hoặc bảng kê chứng từ mua, bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ trong trường hợp đơn vị bao thanh toán và khách hàng thỏa thuận trong hợp đồng bao thanh toán về biện pháp đảm bảo tính chính xác, trung thực, đầy đủ của bản sao hoặc bảng kê so với bản gốc; hoặcc) Hợp đồng, chứng từ mua, bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ dưới dạng thông điệp dữ liệu phù hợp với quy định của pháp luật về giao dịch điện tử và pháp luật có liên quan trong trường hợp đơn vị bao thanh toán và khách hàng thỏa thuận trong hợp đồng bao thanh toán.2. Thông tin về người có liên quan với khách hànga) Thông tin về người có liên quan là cá nhân, bao gồm: họ, tên, số định danh cá nhân đối với công dân Việt Nam; Quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp đối với người nước ngoài; mối quan hệ với khách hàng; b) Thông tin về người có liên quan là tổ chức, bao gồm: tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương; người đại diện theo pháp luật, mối quan hệ với khách hàng.3. Khách hàng chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, đầy đủ, kịp thời của các tài liệu gửi cho đơn vị bao thanh toán. | - Gộp với nội dung quy định về hồ sơ đề nghị bao thanh toán tại khoản 1 Điều 10 Thông tư 02 để thống nhất thực hiện. - Bổ sung quy định chấp nhận chứng từ được giao kết thông qua các hình thức điện tử hoặc hướng dẫn cụ thể biện pháp để đảm bảo tính trung thực các bản sao, bản kê so với bản gốc do: Hình thức hợp đồng, chứng từ giao dịch cơ sở: (i) Hợp đồng mua bán do khách hàng cung cấp thường chỉ có một chữ ký gốc của bên VN do bên nước ngoài thường ký trước và scan gửi bên VN; (ii) Các bên giao dịch đặt hàng online ký xác nhận qua email không có hợp đồng cụ thể; (iii) Trong nhiều trường hợp, nhất là các giao dịch mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ qua biên giới mà một trong hai bên mua hoặc bán là các công ty đa quốc gia có chính sách rất chặt chẽ và thống nhất trên phạm vi toàn cầu, các bên có thể không cần ký hợp đồng trực tiếp mà chỉ dẫn chiếu đến các điều kiện, điều khoản chung trên website, hoặc các đơn đặt hàng/ xác nhận đơn hàng được thực hiện qua thư điện tử hay hệ thống kết nối giữa người mua và người bán. Việc yêu cầu bản gốc hoặc bản sao hợp đồng gây khó khăn, tốn kém thời gian, chi phí. |
| **12** | **Điều 13. Thẩm định và quyết định bao thanh toán** | **Điều 14. Thẩm định và quyết định bao thanh toán** |  |
|  | 1. Đơn vị bao thanh toán thẩm định khả năng đáp ứng các điều kiện bao thanh toán của khách hàng theo quy định tại Điều 11 Thông tư này để xem xét quyết định bao thanh toán. Trong quá trình thẩm định, đơn vị bao thanh toán được sử dụng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ, kết hợp với các thông tin tại Trung tâm Thông tin tín dụng quốc gia Việt Nam, các kênh thông tin khác. 2. Đơn vị bao thanh toán phải tổ chức xét duyệt bao thanh toán theo nguyên tắc phân định trách nhiệm giữa khâu thẩm định và quyết định bao thanh toán. | 1. Đơn vị bao thanh toán thẩm định khả năng đáp ứng các điều kiện bao thanh toán của khách hàng theo quy định tại Điều 11 Thông tư này để xem xét quyết định bao thanh toán. Trong quá trình thẩm định, đơn vị bao thanh toán được sử dụng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ, kết hợp với các thông tin tại Trung tâm Thông tin tín dụng quốc gia Việt Nam, các kênh thông tin khác. 2. Đơn vị bao thanh toán phải tổ chức xét duyệt bao thanh toán theo nguyên tắc phân định trách nhiệm giữa khâu thẩm định và quyết định bao thanh toán.3. Đối với bao thanh toán bên bán hàng, đơn vị bao thanh toán thực hiện:a) Yêu cầu bên bán hàng gửi văn bản thông báo bao thanh toán cho bên mua hàng và bên liên quan khác có nghĩa vụ (nếu có). Văn bản thông báo tối thiểu bao gồm nội dung chuyển giao quyền, nghĩa vụ đối với khoản phải thu giữa bên bán hàng và đơn vị bao thanh toán và các nội dung khác có liên quan.b) Trường hợp có cam kết hoàn trả của bên bán hàng cho đơn vị bao thanh toán, đơn vị bao thanh toán phải thẩm định bên bán hàng theo quy định tại Khoản 1 Điều này;c) Trường hợp không có cam kết hoàn trả của bên bán hàng cho đơn vị bao thanh toán, đơn vị bao thanh toán phải yêu cầu bên bán hàng thỏa thuận với bên mua hàng để bên mua hàng thực hiện các nghĩa vụ của bên bán hàng đối với đơn vị bao thanh toán; Đơn vị bao thanh toán phải thẩm định cấp tín dụng đối với khách hàng và bên mua hàng theo quy định tại Khoản 1 Điều này và thỏa thuận với các bên có liên quan về việc theo dõi, xác định dư nợ bao thanh toán cho đến khi thu hồi hết nợ bao thanh toán; Đồng thời, đơn vị bao thanh toán và bên bán hàng phải yêu cầu bên mua hàng cam kết bằng văn bản về việc thanh toán khoản phải thu và các chi phí khác có liên quan (nếu có) cho đơn vị bao thanh toán; 4. Đối với bao thanh toán bên mua hàng, đơn vị bao thanh toán chỉ được thực hiện khi bên bán hàng đồng ý bằng văn bản về việc bên mua hàng chuyển giao nghĩa vụ thanh toán khoản phải trả cho đơn vị bao thanh toán. | - Gộp với nội dung quy định về quyết định bao thanh toán tại khoản 3, 4 Điều 10 Thông tư 02 để thống nhất thực hiện. - Bổ sung trường hợp bên bán hàng không muốn có văn bản thông báo với bên mua về việc BTT do e ngại đối tác đánh giá về tình hình tài chính của công ty. Ngoài ra việc yêu cầu đối tác cam kết bằng văn bản gây nhiều bất tiện cho KH và đối tác… |
| **13** | **Điều 14. Hợp đồng bao thanh toán** | **Điều 15. Hợp đồng bao thanh toán** |  |
|  | Điểm k Khoản 1k) Quy định về việc truy đòi nợ và lãi, phí bao thanh toán; nội dung, thời điểm chuyển giao quyền và lợi ích liên quan đến khoản phải thu hoặc khoản phải trả trong quá trình truy đòi; | Điểm k Khoản 1k) Quy định về việc hoàn trả nợ và lãi, phí bao thanh toán; nội dung, thời điểm chuyển giao quyền và lợi ích liên quan đến khoản phải thu hoặc khoản phải trả trong quá trình hoàn trả; | Thay nội dung “có bảo lưu quyền truy đòi” bằng nội dung “hoàn trả” để phù hợp với khái niệm BTT tại dự thảo Thông tư. |
| **14** |  | **Bổ sung Điều 17 về phương thức giải ngân** |  |
|  |  | 1. Đối với bao thanh toán bên bán hàng, đơn vị bao thanh toán thực hiện giải ngân vào tài khoản thanh toán của khách hàng tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán.2. Đối với bao thanh toán bên mua hàng, đơn vị bao thanh toán thực hiện giải ngân vào tài khoản thanh toán của bên bán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán. | TCTD đề nghị bổ sung điều khoản về phương thức giải ngân để các TCTD thống nhất thực hiện. |
| **15** | **Điều 18. Hoạt động bao thanh toán bằng phương tiện điện tử** | **Điều 21. Hoạt động bao thanh toán bằng phương tiện điện tử** |  |
|  | 1. Đơn vị bao thanh toán thực hiện hoạt động bao thanh toán bằng phương tiện điện tử theo quy định của Thông tư này và quy định của pháp luật về giao dịch điện tử trong hoạt động ngân hàng.2. Tối thiểu 10 ngày làm việc trước khi thực hiện hoạt động bao thanh toán bằng phương tiện điện tử, đơn vị bao thanh toán phải gửi hồ sơ về hệ thống công nghệ thông tin phục vụ cho hoạt động bao thanh toán bằng phương tiện điện tử (gồm mô hình thiết kế chương trình ứng dụng, hạ tầng công nghệ và các giải pháp đảm bảo an toàn hệ thống công nghệ thông tin) về Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Công nghệ tin học).3. Khách hàng thực hiện hoạt động bao thanh toán bằng phương tiện điện tử phải tuân thủ các điều kiện, hướng dẫn của đơn vị bao thanh toán trong giao dịch điện tử và quy định của pháp luật có liên quan. | Đã sửa tại dự thảo Thông tư | Bổ sung nội dung quy định cụ thể đối với hoạt động bao thanh toán bằng phương tiện điện tử nhằm hướng dẫn tổ chức tín dụng áp dụng phù hợp với thực tiễn hoạt động và quy định tại Luật Giao dịch điện tử. |
| **16** |  | **Bổ sung các Điều 22, Điều 23, Điều 24 quy định về quyền và nghĩa vụ của đơn vị bao thanh toán, đơn vị cung cấp dịch vụ bao thanh toán và khách hàng** | Quy định rõ hơn về quyền và nghĩa vụ của các bên trong BTT |
| **17** | **Điều 20. Lưu giữ hồ sơ bao thanh toán** | **Chuyển sang quy định tại khoản 3 Điều 27 dự thảo Thông tư** |  |
| **18** | **Điều 22. Các quy định khác** | **Chuyển nội dung điều này sang Điều 4, Điều 20, Điều 27 dự thảo Thông tư** |  |
|  | Khi thực hiện bao thanh toán, đơn vị bao thanh toán có trách nhiệm:1. Tuân thủ các quy định về những trường hợp không được bao thanh toán, hạn chế bao thanh toán và giới hạn bao thanh toán tại Điều 126, Điều 127, Điều 128 Luật các tổ chức tín dụng và quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. | Khoản 1 chuyển sang Điều 4 dự thảo Thông tư |  |
|  | 2. Thực hiện việc phân loại, trích lập dự phòng, sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro đối với hoạt động bao thanh toán theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. | Giữ lại chuyển thành điều khoản riêng về phân loại, trích lập dự phòng rủi ro và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng |  |
|  | 3. Thực hiện việc hạch toán kế toán, báo cáo thống kê đối với hoạt động bao thanh toán theo quy định của pháp luật hiện hành về chế độ hạch toán kế toán và báo cáo thống kê của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam áp dụng đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. | Khoản 3 chuyển sang Điều 27 dự thảo Thông tư |  |
| **19** |  | **Bổ sung Chương 3. Dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán**- Điều 25. Nguyên tắc cung cấp hoạt động kinh doanh khác liên quan đến bao thanh toán- Điều 26. Các dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán | Bổ sung nội dung “*dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán*” theo quy định tại điểm e Khoản 1 Điều 114, điểm đ Khoản 1 Điều 119, điểm g Khoản 1 Điều 124 Luật các tổ chức tín dụng 2024 |
| **20** |  | **Bổ sung Điều 27 về hạch toán kế toán, thông tin báo cáo, lưu trữ hồ sơ** | Chuyển từ Điều 20, khoản 3 Điều 21 Thông tư 02 sang. |
| **21** |  | **Bổ sung Điều 28 Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước** | Phân định rõ trách nhiệm của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước |